

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2023/DS-ST

Ngày: 24-7-2023

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H – BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Trứ

Ông Nguyễn Văn Bào

-Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện H: Ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên

Ngày 24/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2023/QĐXXST-DS ngày 02/6/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2023/QĐST - DS ngày 29/6/2023 giữa:

**Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1967 (có mặt)*

Nơi cư trú: Tổ dân phố số 3, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang

**Bị đơn: Ông Đặng Hải Y, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971 (ông Yén và bà Hương đều vắng mặt)*

Đều cư trú: Tổ dân phố D, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hà Huy Đ, sinh năm 1960 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Tổ dân phố số 3, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang (ông Đức ủy quyền cho bà Phượng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/12/2022 và đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 02/02/2023, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph trình bày: Do có mối quan hệ nên, ngày 10/8/2014 âm lịch (tức 03/9/2014 dương lịch) vợ chồng bà có cho vợ chồng ông Đặng Hải Y, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971 vay số tiền 30.000.000 đồng; Ngày 21/8/2014 âm lịch (tức 14/9/2014 dương lịch) vợ chồng bà cho vay số tiền 30.000.000 đồng; Ngày 23/8/2014 âm lịch (tức 16/9/2014 dương lịch) vợ chồng bà cho vay số tiền 500.000.000 đồng; Ngày 16/01/2015 âm lịch (tức 03/6/2015

duyệt) vợ chồng bà cho vay số tiền 34.000.000 đồng. Tổng số tiền vợ chồng ông Yến và bà Hương vay 594.000.000 đồng, lãi thỏa thuận bằng miệng mức 9%/năm. Mục đích vay để đáo hạn ngân hàng. Gia đình bà đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông Đặng Hải Y và bà Nguyễn Thị H không trả được số tiền gốc và lãi nào. Bà xác định chữ viết và chữ ký tại phần người vay tiền tại giấy biên nhận vay tiền đề ngày 23/8/2014 và giấy biên nhận vay tiền ngày 21/8/2014 là do bà Hương viết và ký; chữ viết và chữ ký tại phần người vay tiền đề ngày 10/8/2014 và giấy biên nhận vay tiền ngày 16/1/2015 là do ông Đặng Hải Y viết và ký; còn phần chữ viết và ký “ Nguyễn Thị Ph ” tại các giấy vay tiền là do bà viết và ký.

Nay bà yêu cầu vợ chồng ông Đặng Hải Y và bà Nguyễn Thị H trả cho vợ chồng bà số tiền gốc của mã vay ngày 10/8/2014 âm lịch; Ngày 21/8/2014 âm lịch; 23/8/2014 âm lịch tổng là 560.000.000 đồng, và lãi mức 09%/ năm tính từ ngày 23/8/2014 âm lịch (tức 16/9/2014 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm; và tổng số tiền gốc của mã ngày 16/01/2015 âm lịch (tức 03/6/2015 dương lịch) tổng là 34.000.000 đồng và mức lãi 9%/ năm tính từ ngày 16/01/2015 âm lịch (tức 03/6/2015 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Ph có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, nhưng về thời gian tính lãi thì bà xin thay đổi thời gian tính lãi từ ngày bà làm đơn khởi kiện là ngày 09/12/2022 cho đến ngày xét xử vụ án.

* Bị đơn ông Đặng Hải Y và bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập lên làm việc hợp lệ, ông Hương và bà Yến đã đến Tòa án 1 lần, sau đó bỏ về không trình bày. Do ông Hương và bà Yến không thường xuyên ở địa phương, nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án, và thông báo nhưng không lên Tòa án làm việc và từ bỏ quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa ông Yến, bà Hương vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hà Huy Đ: Ông nhất trí với phần trình bày của bà Nguyễn Thị Ph. Vì lý do công việc nên ông ủy quyền cho vợ ông là bà Nguyễn Thị Ph tham gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý đến khi kết thúc vụ án, mọi quyết định của bà Phượng là quyết định của ông.

Tại phiên tòa ông Hà Huy Đ vắng mặt và ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Ph.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành tốt, bị đơn chấp hành chưa tốt.

Áp dụng Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; Điều 266; Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 của Bộ luật dân sự; Điều 27;

Điều 37 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ph.

1. Buộc vợ chồng ông Đặng Hải Y và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Ph và ông Hà Huy Đ tổng số tiền gốc của 4 mã vay là 594.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 09/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 7 tháng 15 ngày là 33.412.500 đồng. Tổng cả gốc và lãi của 4 mã vay là 627.412.500 đồng.

2. Về án phí: Ông Đặng Hải Y và bà Nguyễn Thị H phải chịu 29.096.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Ph khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đặng Hải Y và bà Nguyễn Thị H trả số tiền gốc và lãi, xác định là quan hệ tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Điều 463 của Bộ luật dân sự và theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ giữa các bên là quan hệ giữa cá nhân với cá nhân. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện H, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện H thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: ông Đặng Hải Y và bà Nguyễn Thị H vắng mặt, ông Đức ủy quyền cho bà Phượng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người nêu trên là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ph khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đặng Hải Y và bà Nguyễn Thị H trả cho vợ chồng bà số tiền gốc của 4 mã vay 594.000.000 đồng và lãi thì thấy: Theo lời trình bày của bà và các tài liệu có trong hồ sơ, xác định ngày 10/8/2014 âm lịch (tức 03/9/2014 dương lịch) vợ chồng bà có cho vợ chồng ông Đặng Hải Y và bà Nguyễn Thị H vay số tiền 30.000.000 đồng; Ngày 21/8/2014 âm lịch (tức 14/9/2014 dương lịch) vợ chồng bà cho vay số tiền 30.000.000 đồng; Ngày 23/8/2014 âm lịch (tức 16/9/2014 dương lịch) vợ chồng bà cho vay số tiền 500.000.000 đồng; Ngày 16/01/2015 âm lịch (tức 03/6/2015 dương lịch) vợ chồng bà cho vay số tiền 34.000.000 đồng. Tổng số tiền vợ chồng ông Yến và bà Hương vay 594.000.000 đồng, các lần vay lãi thỏa thuận bằng miệng mức 9%/năm. Mục đích vay để đáo hạn ngân hàng. Bà Phượng xác định chữ viết và chữ ký tại phần người vay tiền tại giấy biên nhận vay tiền đề ngày 23/8/2014 và giấy biên nhận vay tiền ngày 21/8/2014 là do bà Hương viết và ký; chữ viết và chữ ký tại phần người vay tiền đề ngày 10/8/2014 và giấy biên nhận vay tiền ngày 16/1/2015 là do ông Đặng Hải Y viết và ký; còn phần chữ viết và ký "*Nguyễn Thị Ph*" tại các giấy vay tiền là do bà viết và ký. Bà xác định sau khi vay thì ông Yến và bà Hương chưa trả được số tiền gốc và lãi nào. Trong quá trình giải quyết vụ án thì ông Yến và bà

Hương có lên Tòa án làm việc nhưng sau đó bỏ về và từ đó cũng không lên Tòa án làm việc cũng như không có ý kiến gì về việc khởi kiện của bà Phụng. Nay bà Phụng có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Yến và bà Hương có nghĩa vụ phải trả là 594.000.000 đồng và mức lãi 9%/ năm tính từ ngày làm đơn 09/12/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền: Căn cứ vào các mã vay do nguyên đơn xuất trình thì có mã do ông Yến ký vay, có mã vay do bà Hương ký vay, bà Phụng trình bày là ông Yến và bà Hương vay mục đích để đáo hạn ngân hàng. Bà Phụng xác định là nợ chung của vợ chồng ông Yến và bà Hương. Do vậy, buộc vợ chồng ông Yến và bà Hương phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Phụng và ông Huy là có căn cứ.

[5] Về lãi suất cho vay: Tại giấy biên nhận vay tiền đều không ghi mức lãi, phía nguyên đơn trình bày mức lãi cho vay là 9%/ năm, không có thời hạn trả nợ. Như vậy, xác định là hợp đồng vay không có thời hạn và có lãi. Bà Phụng yêu cầu trả mức lãi 9%/ năm, xét thấy mức lãi là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận, thời gian tính lãi từ ngày làm đơn khởi kiện 09/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 7 tháng 15 ngày là 33.412.500 đồng.

[6] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do các bên không thỏa thuận được nên lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ph được chấp nhận nên ông Đặng Hải Y và bà Nguyễn Thị H phải chịu 29.096.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phụng được hoàn lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 469 của Bộ luật dân sự; Điều 27; Điều 37 - Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 - Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ph.

-Buộc vợ chồng ông Đặng Hải Y và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Ph và ông Hà Huy Đ tổng gốc của 4 mã vay là 594.000.000 đồng và tổng lãi là 33.412.500 đồng. Tổng cả gốc và lãi của 4 mã vay là 627.412.500 đồng.

2. Về án phí: Ông Đặng Hải Y và bà Nguyễn Thị H phải chịu 29.096.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Hoàn trả bà Nguyễn Thị Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.829.000đồng theo biên lai số 0012102 ngày 08/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

-Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

-Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Sự

